TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 214/2025/QĐST-DS	*B, ngày 08 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 152/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Th; Sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Phố đ, xã Th, huyện B, Thanh Hóa.

Nay là Phố 3 xã Th – Tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh: Nguyễn Văn Th1; Sinh năm: 1982

Nơi cư trú: Phố đ, xã Th, huyện B - Thanh Hóa

Nay là Phố 3 xã Th – Tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã Th, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T - Chủ tịch UBND xã Th

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Quỳnh Tr, chức vụ, Phó chủ tịch UBND xã Th, tỉnh Thanh Hóa

+ Ông Trần Văn Tr - Sinh năm 1945 (Bố đẻ anh Th, vắng mặt)

Địa chỉ: Phố đ, xã Th, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà: Lê Thị Ng - Sinh năm 1973 (Vợ anh Th, vắng mặt)

Địa chỉ: Phố đ, xã Th, tỉnh Thanh Hóa

+ Chị: Ngô Thị H - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Phố đ, xã Th, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đình chỉ yêu cầu Nguyên đơn về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, do rút yêu cầu.

Các bên đương sự thống thống nhất phần diện tích đất hai đang tranh chấp sau khi thẩm định giá là đất trồng cây lâu năm phía sau giáp nhà ở bị đơn, có diện tích là 44,2m^2 x 30.000đ/1m^2 = 1.326.000đ không có tài sản trên đất, có chiều rộng phía nam giáp đất anh Th1 là 5m, chiều rộng phía bắc phía sau giáp tali đồi của anh Thi là 5,1m, chiều dài phía đông giáp đất vườn anh Thi là 9,4m, chiều dài phía tây nam giáp nhà bà Dậu là 8,2m.

Sau khi hội đồng xem xét thẩm định, định giá và hòa giải các bên thỏa thuận sẽ điều chỉnh phần diện tích đất đang tranh chấp theo hiện trạng. Hai bên thống nhất anh Th1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 10m^2 trị giá 300.000đ là phần đất giáp phía sau nhà anh Th1.

Có tứ cận như sau: Chiều rộng phía nam giáp đất ở anh Th1 là 5m, chiều rộng phía bắc phía sau giáp tali đồi của anh Th là 5m, chiều dài phía đông giáp đất vườn anh Th là 2m, chiều dài phía tây giáp nhà bà Dậu là 2m.

Phần diện tích còn lại giáp đất đồi của anh Th là 34,2m^2 là phần đất của ông Th sử dụng trị giá 1.026.000đ. Có tứ cận như sau: Chiều rộng phía nam giáp đất giao anh Th1 là 5m, chiều rộng phía bắc phía sau giáp tali đồi của anh Th là 5,1m, chiều dài phía đông giáp đất vườn anh Th là 7,4 m, chiều dài phía tây giáp nhà bà D là 6,2m.

Các bên thống nhất sau khi có Quyết định của Tòa án thì sẽ có trách nhiệm phối hợp đề nghị cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp bổ sung phần đất như đã thỏa thuận. Phần đất của ai thì người đó có trách nhiệm liên hệ làm thủ tục công nhận.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Phần án phí và chi phí tố tụng của vụ án, các bên thống nhất ông Trần Văn Th chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Anh Nguyễn Văn Th1 chịu án Phí DSST.

Áp dụng khoản 3 điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 1 điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên đương sự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án nên phải chịu 50% án phí. Hai bên thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn Th1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch, nhưng trị giá tài sản tranh chấp dưới 6.000.000đ nên các bên đương sự chỉ phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) 300.000đ : 2 = 150.000đ anh Th1 phải nộp tại Cục THA tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho anh Trần

Văn Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0001961 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B (Nay là Phòng thi hành án khu vực 11-Thanh Hóa).

Về chi phí giám định và xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Đối với chi phí giám định chữ ký tại Phòng kỷ thuật Hình sự Công án Tỉnh Thanh Hóa và Giám định Viện khoa học Hình sự Bộ Công an 14.000.000đ, các bên thống nhất Anh Trần Văn Th chịu toàn bộ số tiền trên, anh Th đã nộp đủ chi phí cho Giám định

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sau khi vụ án chuyển tỉnh giải quyết anh Th đã nộp hội đồng đã chi phí thẩm định giá 7.000.000đ, Các đương sự thống nhất anh Th chịu toàn bộ số tền trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Vũ Văn Nga